

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN-LẦN 1
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
 Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán quản trị		
Mã học phần:	233_71ACCT30053	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	233_71ACCT30053-01,02,03		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu: (giấy và file đã down về máy)</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

Hình thức làm tự luận : Gõ trực tiếp vào ô trả lời hoặc đính kèm file word, excel (không đính kèm hình ảnh)

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân loại được các loại chi phí trong doanh nghiệp theo hướng kế toán quản trị nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra quyết định kế toán quản trị	Trắc Nghiệm	20%	Câu 1,2,3,4,5	0.4đ/câu (tổng điểm 5 câu là 2 điểm)	PI3.1
CLO2	Vận dụng các kỹ thuật kế toán quản trị vào việc tính giá thành, lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định	Trắc Nghiệm	20%	Câu 6,7,8,9,10	0.4đ/câu (tổng điểm 5 câu là 2 điểm)	PI3.1A
		Tự luận	10%	Câu 16	1 điểm	PI3.1A
		Tự luận	10%	Câu 17	1 điểm	PI3.1A
CLO3	Sử dụng các báo cáo quản trị: báo cáo số dư đảm phí, báo cáo về dự toán ngân sách, báo cáo phân tích biến động chi phí ... phục vụ cho việc đánh giá và ra quyết định cho doanh nghiệp một cách độc lập.	Trắc Nghiệm	20%	Câu 11,12,13,14, 15	0.4đ/câu (tổng điểm 5 câu là 2 điểm)	PI3.2A
		Tự luận	10%	Câu 18	1 điểm	PI3.2A
		Tự luận	10%	Câu 19	1 điểm	PI3.2A

III. Nội dung câu hỏi thi**PHẦN TRẮC NGHIỆM 15 câu (6 điểm- 0.4 điểm/câu)****Câu 1: random trong 2 câu sau**

Khoản chi phí nào sau đây không phải là chi phí trực tiếp

- A. Chi phí mua bảo hiểm hỏa hoạn phân xưởng sản xuất
- B. Tiền lương và phụ cấp lương trả cho lao động trực tiếp
- C. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- D. Chi phí bản quyền tính cho mỗi sản phẩm

ANSWER: A

Chi phí nào trong các khoản chi phí dưới đây không thuộc loại chi phí sản xuất ở công ty may mặc

- A. Điện, nước sử dụng ở văn phòng
- B. Chi phí dầu nhờn bôi trơn máy may
- C. Lương trả cho quản đốc phân xưởng
- D. Chi phí vải may

ANSWER: A

Câu 2: random trong 2 câu sau

Chi phí lương nhân viên bảo trì tại phân xưởng sản xuất của công ty sản xuất bóng đèn Huỳnh Quang thuộc chi phí:

	Chi phí gián tiếp	Chi phí SXC
A.	Có	Có
B.	Có	Không
C.	Không	Không
D.	Không	Có

ANSWER: A

Chi phí lương nhân viên lao công tại văn phòng công ty sản xuất bóng đèn Huỳnh Quang thuộc chi phí:

	Chi phí gián tiếp	Chi phí SXC
A.	Có	Không
B.	Có	Có
C.	Không	Không
D.	Không	Có

ANSWER: A

Câu 3: random trong 2 câu sau

Khi tăng sản lượng sản xuất trong giới hạn thích hợp:

- A. Tổng biến phí tăng
- B. Biến phí đơn vị tăng
- C. Tổng định phí giảm
- D. Tổng định phí và biến phí thay đổi

ANSWER: A

Khi giảm sản lượng sản xuất trong giới hạn thích hợp:

- A. Tổng biến phí giảm
- B. Biến phí đơn vị giảm
- C. Tổng định phí tăng
- D. Tổng định phí và biến phí thay đổi

ANSWER: A

Câu 4: random trong 2 câu sau

Chi phí phát sinh tại tháng 6/2024 như sau:

Chi phí NVLTT : 30,000 nghìn đồng
 Chi phí NCTT: 45,000 nghìn đồng
 Chi phí SXC : 29,000 nghìn đồng
 Chi phí bán hàng: 20,000 nghìn đồng
 Chi phí quản lý DN: 18,000 nghìn đồng

Chi phí **ban đầu** của công ty trong tháng 6/2024 là:

- A. 75,000 nghìn đồng
 B. 74,000 nghìn đồng
 C. 104,000 nghìn đồng
 D. 142,000 nghìn đồng
 ANSWER: A

Chi phí phát sinh tại tháng 6/2024 như sau:

Chi phí NVLTT : 30,000 nghìn đồng
 Chi phí NCTT: 45,000 nghìn đồng
 Chi phí SXC : 29,000 nghìn đồng
 Chi phí bán hàng: 20,000 nghìn đồng
 Chi phí quản lý DN: 18,000 nghìn đồng

Chi phí **chuyển đổi** của công ty trong tháng 6/2024 là:

- A. 74,000 nghìn đồng
 B. 75,000 nghìn đồng
 C. 104,000 nghìn đồng
 D. 142,000 nghìn đồng
 ANSWER: A

Câu 5: random trong 2 câu sau

Phòng kế toán công ty S theo dõi chi phí bảo trì máy móc sản xuất và số giờ máy chạy trong 6 tháng như sau:

Tháng	Số giờ máy chạy (giờ máy)	Chi phí bảo trì (1.000 đ)
1	5,000	25,850
2	5,600	27,000
3	4,000	23,500
4	6,000	28,600
5	9,000	36,000
6	6,500	29,850

Xác định phương trình chi phí của chi phí bảo trì?

- A. Chi phí bảo trì = $2.5 \times \text{Số giờ máy chạy} + 13,500$
 B. Chi phí bảo trì = $2.5 + 13,500 \times \text{Số giờ máy chạy}$
 C. Số giờ máy chạy = $2.5 \times \text{chi phí bảo trì} + 13,500$
 D. Chi phí bảo trì = $0,4 \times \text{Số giờ máy chạy} + 5.400$
 ANSWER: A

Phòng kế toán công ty S theo dõi chi phí bảo trì máy móc sản xuất và số giờ máy chạy trong 6 tháng như sau:

Tháng	Số giờ máy chạy (giờ máy)	Chi phí bảo trì (1.000 đ)
-------	---------------------------	---------------------------

1	3,000	28,600
2	3,500	30,500
3	2,000	23,500
4	4,000	33,600
5	4,500	36,000
6	2,500	25,900

Xác định phương trình chi phí của chi phí bảo trì?

- A. Chi phí bảo trì = 5 x Số giờ máy chạy +13,500
- B. Chi phí bảo trì = 5 +13,500 x Số giờ máy chạy
- C. Số giờ máy chạy = 5 x chi phí bảo trì +13,500
- D. Chi phí bảo trì = 0.2 x Số giờ máy chạy +2,700

ANSWER: A

Câu 6: random trong 2 câu sau

Một công ty sử dụng phương pháp tính giá thành theo quy trình để thiết lập chi phí cho mỗi đơn vị sản phẩm của mình. Các thông tin sau đây đã có trong tháng trước:

Số lượng đơn vị đầu vào 1,700

Số lượng đơn vị đầu ra 1,500

Tồn kho đầu kỳ 300 đơn vị, mức độ hoàn thành 100% đối với chi phí nguyên vật liệu và hoàn thành 40% đối với chi phí chuyển đổi

Tồn kho cuối kỳ 500 đơn vị, mức độ hoàn thành 100% đối với chi phí nguyên vật liệu và hoàn thành 70% đối với chi phí chuyển đổi.

Công ty sử dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá hàng tồn kho. Số đơn vị hoàn thành tương đương cho chi phí chuyển đổi là bao nhiêu?

- A. 1,850 đơn vị hoàn thành tương đương
- B. 2,050 đơn vị hoàn thành tương đương
- C. 1,680 đơn vị hoàn thành tương đương
- D. 1,150 đơn vị hoàn thành tương đương

ANSWER: A

Một công ty sử dụng phương pháp tính giá thành theo quy trình để thiết lập chi phí cho mỗi đơn vị sản phẩm của mình. Các thông tin sau đây đã có trong tháng trước:

Số lượng đơn vị đầu vào 1,000

Số lượng đơn vị đầu ra 900

Tồn kho đầu kỳ 400 đơn vị, mức độ hoàn thành 100% đối với chi phí nguyên vật liệu và hoàn thành 30% đối với chi phí chuyển đổi

Tồn kho cuối kỳ 500 đơn vị, mức độ hoàn thành 100% đối với chi phí nguyên vật liệu và hoàn thành 60% đối với chi phí chuyển đổi.

Công ty sử dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá hàng tồn kho. Số đơn vị hoàn thành tương đương cho chi phí chuyển đổi là bao nhiêu?

- A. 1,200 đơn vị hoàn thành tương đương
- B. 1,180 đơn vị hoàn thành tương đương
- C. 600 đơn vị hoàn thành tương đương
- D. 1,300 đơn vị hoàn thành tương đương

ANSWER: A

Câu 7 random trong 2 câu sau

Khi tính giá thành dịch vụ khách sạn, đơn vị chi phí phù hợp để có thể tính giá thành dịch vụ này là

- A. Tính theo số đêm khách ngủ lại

- B. Tính theo từng bữa ăn được phục vụ
- C. Tính theo số khách ghé khách sạn
- D. Tính theo số học sinh học toàn thời gian

ANSWER: A

Khi tính giá thành dịch vụ ăn uống, đơn vị chi phí phù hợp để có thể tính giá thành dịch vụ này là

- A. Tính theo từng bữa ăn được phục vụ
- B. Tính theo từng khách ghé quán ăn
- C. Tính theo số đêm khách ngủ lại
- D. Tính theo số nhân viên toàn thời gian

ANSWER: A

Câu 8 random trong 2 câu sau

Tháng trước, công ty có lượng tồn kho đầu kỳ là 5,000 sản phẩm và tồn kho cuối kỳ là 6,000 sản phẩm, lợi nhuận theo giá thành đầy đủ (toàn bộ) là \$40,000. Tỷ lệ chi phí sản xuất cố định là \$5 cho mỗi sản phẩm. Lợi nhuận của tháng trước sẽ là bao nhiêu khi công ty sử dụng giá thành khả biến thay vì dùng giá thành đầy đủ?

- A. \$35,000
- B. \$40,000
- C. \$45,000
- D. \$36,000

ANSWER: A

Tháng trước, công ty có lượng tồn kho đầu kỳ là 7,500 sản phẩm và tồn kho cuối kỳ là 7,000 sản phẩm, lợi nhuận theo giá thành đầy đủ (toàn bộ) là \$30,000. Tỷ lệ chi phí sản xuất cố định là \$5 cho mỗi sản phẩm. Lợi nhuận của tháng trước sẽ là bao nhiêu khi công ty sử dụng giá thành khả biến thay vì dùng giá thành đầy đủ?

- A. \$32,500
- B. \$30,000
- C. \$27,500
- D. \$35,000

ANSWER: A

Câu 9 random trong 2 câu sau

Công ty A có thông tin về hoạt động của năm ngoái như sau: (nghìn đồng)

Doanh thu (5,000 sp)	120,000
Biến phí	80,000
Định phí	24,000
Lợi nhuận ròng	16,000

Số dư an toàn của công ty về mặt sản lượng là bao nhiêu sản phẩm?

- A. 2,000 sản phẩm
- B. 2,250 sản phẩm
- C. 3,000 sản phẩm
- D. 1,800 sản phẩm

ANSWER: A

Công ty A có thông tin về hoạt động của năm ngoái như sau: (nghìn đồng)

Doanh thu (3,000 sp)	150,000
Biến phí	90,000
Định phí	38,000
Lợi nhuận ròng	22,000

Số dư an toàn của công ty về mặt sản lượng là bao nhiêu sản phẩm?

- A. 1,100 sản phẩm
- B. 1,900 sản phẩm
- C. 3,000 sản phẩm
- D. 1,800 sản phẩm

ANSWER: A

Câu 10 random trong 2 câu sau

Công ty A bán một loại sản phẩm có định mức tồn kho vào cuối mỗi tháng là 20% lượng bán ra trong tháng sau. Lượng bán ra dự kiến trong các tháng của quý 3 như sau

Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9
500,000	700,000	900,000

Số lượng sản phẩm cần sản xuất trong tháng 8 là

- A. 740,000 sản phẩm
- B. 660,000 sản phẩm
- C. 750,000 sản phẩm
- D. 640,000 sản phẩm

ANSWER: A

Công ty A bán một loại sản phẩm có định mức tồn kho vào cuối mỗi tháng là 20% lượng bán ra trong tháng sau. Lượng bán ra dự kiến trong các tháng của quý 3 như sau

Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9
300,000	500,000	400,000

Số lượng sản phẩm cần sản xuất trong tháng 8 là

- A. 480,000 sản phẩm
- B. 500,000 sản phẩm
- C. 520,000 sản phẩm
- D. 400,000 sản phẩm

ANSWER: A

Câu 11 random trong 2 câu sau

Việc dự kiến số sản phẩm cần phải sản xuất hoàn thành để đáp ứng yêu cầu tiêu thụ phù hợp với tên gọi của Dự toán nào

- A. Dự toán sản xuất
- B. Dự toán tiêu thụ
- C. Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp
- D. Dự toán chi phí sản xuất chung

ANSWER: A

Việc dự kiến tổng lượng thời gian cần thiết để hoàn thành khối lượng sản phẩm SX và đơn giá thời gian lao động trực tiếp phù hợp với tên gọi của Dự toán nào

- A. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp
- B. Dự toán tiêu thụ
- C. Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp
- D. Dự toán sản xuất

ANSWER: A

Câu 12 random trong 2 câu sau

Biến động về giá của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là tốt (thuận lợi) khi:

- A. Giá nguyên vật liệu thực tế rẻ hơn.
- B. Năng suất lao động tăng.

- C. Giá nguyên vật liệu thực tế đắt hơn.
- D. Năng suất lao động giảm.

ANSWER: A

Biến động về lượng của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp do các nguyên nhân sau đây, ngoại trừ:

- A. Quan hệ cung cầu nguyên vật liệu trên thị trường
- B. Trình độ tay nghề của công nhân.
- C. Tình trạng máy móc thiết bị.
- D. Công tác tổ chức sản xuất.

ANSWER: A

Câu 13 random trong 2 câu sau

Giá mua thực tế của NVL trực tiếp là 5,000đ/kg, giá mua định mức là 4,850đ/kg và lượng thực tế cần sử dụng là 5,000kg, trong khi theo định mức cần 5,100kg. Vậy biến động về giá NVL trực tiếp là?

- A. 750,000đ bất lợi
- B. 750,000đ có lợi
- C. 765,000đ bất lợi
- D. 765,000đ có lợi

ANSWER: A

Giá mua thực tế của NVL trực tiếp là 5,000đ/kg, giá mua định mức là 4,850đ/kg và lượng thực tế cần sử dụng là 5,000kg, trong khi theo định mức cần 5,100kg. Vậy biến động về lượng NVL trực tiếp là?

- A. 485,000đ có lợi
- B. 485,000đ bất lợi
- C. 500,000đ có lợi
- D. 500,000đ bất lợi

ANSWER: A

Câu 14 random trong 2 câu sau

Các nhà quản lý phải ra quyết định chấp nhận hay từ chối đơn đặt hàng của một sản phẩm. Chi phí không thích hợp cho việc ra quyết định này là

- A. Các định phí thông thường sẽ tiếp tục phải gánh chịu nếu đơn đặt hàng không được chấp nhận.
- B. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- C. Biến phí
- D. Định phí có thể tránh được nếu đơn đặt hàng được chấp nhận

ANSWER: A

Đối với quyết định nên bán hay tiếp tục sản xuất, nguyên tắc ra quyết định là:

- A. Doanh thu tăng thêm > chi phí tăng thêm.
- B. Doanh thu tăng thêm < chi phí tăng thêm.
- C. Doanh thu tăng thêm > chi phí sản xuất kết hợp.
- D. Doanh thu tăng thêm < chi phí sản xuất kết hợp

ANSWER: A

Câu 15 random trong 2 câu sau

Công ty A đang nghiên cứu việc loại bỏ sản phẩm T. Sản phẩm này hiện có số dư đảm phí là 50,000,000 đồng. Nếu loại bỏ sản phẩm T, công ty có thể giảm 30,000,000 đồng định phí trực tiếp. Quyết định này sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận chung là:

- A. Giảm 20,000,000 đồng.
- B. Giảm 5,000,000 đồng.
- C. Tăng 5,000,000 đồng.
- D. Tăng 20,000,000 đồng

ANSWER: A

Công ty A đang nghiên cứu việc loại bỏ sản phẩm X. Sản phẩm này hiện có số dư đảm phí là 60,000,000 đồng. Nếu loại bỏ sản phẩm X, công ty có thể giảm 30,000,000 đồng định phí trực tiếp. Quyết định này sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận chung là:

- A. Giảm 30,000,000 đồng.
- B. Giảm 3,000,000 đồng.
- C. Tăng 3,000,000 đồng.
- D. Tăng 30,000,000 đồng

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 16- 1 điểm

Một công ty sản xuất một sản phẩm duy nhất và có các thông tin như sau:

- + Định phí là \$150,000 mỗi tháng,
- + Biến phí/sp là \$32/sản phẩm
- + Giá bán là \$80/sản phẩm,
- + Hiện tại công ty bán được 5,000 sản phẩm

Yêu cầu: (các yêu cầu độc lập với nhau)

1. Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dưới dạng số dư đảm phí (đầy đủ 3 cột: Tổng, đv, %) tại mức sản lượng 5,000 chiếc (0.5 điểm)
2. Hiện tại công ty đang bán 5,000 sản phẩm mỗi tháng. Người quản lý đang cân nhắc phương án giảm giá bán 10% sẽ làm số lượng sản phẩm tăng 25% số lượng bán mỗi tháng. Công ty có nên thực hiện phương án này không? Tại sao? (0.5 điểm)

Câu 17- 1 điểm

Công ty Bee có các dữ liệu như sau:

	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
Số lượng hàng dự kiến bán	15,000 sản phẩm	16,000 sản phẩm	14,000 sản phẩm	18,000 sản phẩm

Giá bán cho 1 sản phẩm là \$ 20/sản phẩm. Nguyên tắc thu tiền tại công ty như sau: Thu 75% ngay tại tháng bán hàng; Thu 20% ngay sau tháng bán hàng; 5% không thu được. Số dư đầu kỳ của khoản phải thu khách hàng là \$ 50,000 và sẽ được thu đủ vào quý 1.

Yêu cầu:

- a. Lập bảng dự toán bán hàng cho từng quý và cho cả năm (0.5 điểm)
- b. Lập bảng dự toán thu tiền cho từng quý và cho cả năm (0.5 điểm)

Câu 18- 1 điểm

Công ty D sản xuất 900 sản phẩm S, loại sản phẩm này có lượng định mức là 2.5 giờ nhân công trực tiếp cho 1 sản phẩm. Đơn giá định mức là 4,500đ/giờ, nhưng thực tế công ty trả bình quân 5,000đ/ giờ. Số giờ nhân công trực tiếp thực tế đã sử dụng là 2,000 giờ.

Yêu cầu:

1. Tính biến động năng suất (lượng) của chi phí nhân công trực tiếp ở công ty D là bao nhiêu? (0.5 điểm)
2. Tính biến động tỷ lệ (giá) của chi phí nhân công trực tiếp ở công ty D là bao nhiêu? (0.5 điểm)

Câu 19- 1 điểm

Công ty Mazan sản xuất ba sản phẩm với chi phí và giá bán như sau:

	Sản phẩm		
	A	B	C
Giá bán 1 sản phẩm	20	15	30
Biến phí trên 1 sản phẩm	10	8	18
Số giờ lao động sản xuất 1 sản phẩm	2	1.5	4
Số giờ máy sản xuất 1 sản phẩm	3.2	2	2.5

Yêu cầu:

1. Nếu Mazan có giới hạn giờ lao động trực tiếp nhưng không có giới hạn về giờ máy, thì ba sản phẩm phải được sản xuất theo thứ tự nào? (0.5đ)
2. Nếu Mazan có giới hạn giờ máy nhưng không có giới hạn về giờ lao động trực tiếp, thì ba sản phẩm sẽ được sản xuất theo thứ tự nào? (0.5đ)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú																												
I. Trắc nghiệm		6.0																													
Câu 1 – 15		0.4/câu																													
II. Tự luận		4.0																													
Câu 16		1.0																													
Nội dung 1	<p>Báo cáo KQHĐKD dưới dạng số dư đảm phí</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Tổng</th> <th>Đơn vị</th> <th>%</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Doanh thu (5,000sp)</td> <td>400,000</td> <td>80</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>Biến phí</td> <td>160,000</td> <td>32</td> <td>40%</td> </tr> <tr> <td>Số dư đảm phí</td> <td>240,000</td> <td>48</td> <td>60%</td> </tr> <tr> <td>Định Phí</td> <td>150,000</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận</td> <td>90,000</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td>0,25đ</td> <td>0,125đ</td> <td>0,125đ</td> </tr> </tbody> </table>		Tổng	Đơn vị	%	Doanh thu (5,000sp)	400,000	80	100%	Biến phí	160,000	32	40%	Số dư đảm phí	240,000	48	60%	Định Phí	150,000			Lợi nhuận	90,000				0,25đ	0,125đ	0,125đ	0.5	
	Tổng	Đơn vị	%																												
Doanh thu (5,000sp)	400,000	80	100%																												
Biến phí	160,000	32	40%																												
Số dư đảm phí	240,000	48	60%																												
Định Phí	150,000																														
Lợi nhuận	90,000																														
	0,25đ	0,125đ	0,125đ																												
Nội dung 2.	<p>Sản lượng mới = $5000 \cdot 1.25 = 6250$ sp Giá bán mới = $80 - 10\% \cdot 80 = 72$ USD \Rightarrow Phương trình LN mới = $(DT - \text{Biến phí}) - \text{Định phí} = (6250 \cdot 72 - 6250 \cdot 32) - 150,000 = 100,000$ USD (0.25đ) Vì Ln của phương án mới cao hơn so với LN hiện nay 1 khoản : $100,000 - 90,000 = 10.000$ nghìn đồng Do đó cty nên thực hiện phương án này. (0.25đ)</p>	0.5																													
Câu 17		1.0																													

Nội dung 1	Dự toán doanh thu					0.5		
		Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4			Cả năm
	Sản lượng bán	15,000	16,000	14,000	18,000			63,000
	Giá bán	20	20	20	20			20
	Doanh thu	300,000 (0.125đ)	320,000 (0.125đ)	280,000 (0.125đ)	360,000 (0.125đ)			1,260,000 (0.125đ)
Nội dung 2	Dự toán thu tiền					0.5		
		Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4			Cả năm
	Dư đầu kỳ	50,000						50,000
	Quý 1							
	- 75%* DT quý 1	225,000						225,000
	- 20%* DT quý 1		60,000					60,000
	Quý 2							
	- 75%* DT quý 2		240,000					240,000
	- 20%* DT quý 2			64,000				64,000
	Quý 3							
	- 75%* DT quý 3			210,000				210,000
	- 20%* DT quý 3				56,000			56,000
	Quý 4							
- 75%* DT quý 4				270,000	270,000			
Tổng	275,000 (0.125đ)	300,000 (0.125đ)	274,000 (0.125đ)	326,000 (0.125đ)	1,175,000 (0.125đ)			
Câu 18						1		
Nội dung 1	Biến động năng suất của chi phí nhân công trực tiếp (Q1-Q0)P0= (2000-900*2.5)*4,500=-1,125,000 đ (F)					0.5		
Nội dung 2	Biến động tỷ lệ (giá) của chi phí nhân công trực tiếp (P1-P0)*Q1= (5000-4500)*2000=1,000,000 đ (A)					0.5		
Câu 19						1		
Nội dung 1	Công ty có không bị giới hạn về giờ máy nhưng có giới hạn về giờ lao động nên cty nên dựa vào số dư đảm phí trên 1 giờ lao động để ưu tiên sản xuất sản phẩm có số dư đảm phí trên 1 giờ lao động cao hơn: Cụ thể						0.5	
		Sản phẩm						
		A	B	C				
	Giá bán 1 sản phẩm	20	15	30				
	Biến phí trên 1 sản phẩm	10	8	18				
	Số dư đảm phí trên 1 sp	10	7	12				
	Số giờ lao động sản xuất 1 sản phẩm	2	1.5	4				
	Số dư đảm phí trên 1 giờ lao động	5	4.67	3				
Vậy thứ tự sản xuất là : A, B, C								
Nội dung 2	Công ty có không bị giới hạn về giờ lao động nhưng có giới hạn về giờ máy nên cty nên dựa vào số dư đảm phí trên 1 giờ máy để ưu tiên sản xuất sản phẩm có số dư đảm phí trên 1 giờ máy cao hơn: Cụ thể						0.5	
		Sản phẩm						
		A	B	C				

	Giá bán 1 sản phẩm	20	15	30				
	Biến phí trên 1 sản phẩm	10	8	18				
	Số dư đảm phí trên 1 sp	10	7	12				
	Số giờ máy sản xuất 1 sản phẩm	3.2	2	2.5				
	Số dư đảm phí trên 1 giờ máy	3.125	3.5	4.8				
	Vậ thứ tự sản xuất là : C, B, A							
	Điểm tổng						10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2024
Giảng viên ra đề

TS. Lê Phan Thanh Hòa

Ths. Lê Như Hoa
Ths. Huỳnh Đăng Thành